

BÀI 1. THÔNG TIN VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN

Câu 1. Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là:

- A. Văn bản. B. Âm thanh. C. Hình ảnh. D. Dãy bit.

Câu 2. Quá trình xử lý thông tin gồm các bước nào?

- A. Tiếp nhận dữ liệu, xử lý dữ liệu, đưa ra kết quả.
B. Tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin, đưa ra kết quả.
C. Tiếp nhận thông tin, chuyển thành dữ liệu, tính toán dữ liệu, đưa ra kết quả.
D. Cả ba đáp án đều sai.

Câu 3. Thông tin là gì?

- A. Các văn bản và số liệu.
B. Tất cả những gì mang lại cho chúng ta hiểu biết.
C. Văn bản, hình ảnh, âm thanh.
D. Hình ảnh, âm thanh.

Câu 4. Chọn câu đúng trong các câu sau:

- A. 1MB = 1024KB. B. 1PB = 1024 GB. C. 1ZB = 1024PB. D. 1Bit = 1024B.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về quan hệ giữa thông tin và dữ liệu?

- A. Dữ liệu là thông tin đã được đưa vào máy tính.
B. Thông tin là ý nghĩa của dữ liệu.
C. Thông tin và dữ liệu có tính độc lập tương đối.
D. Thông tin không có tính toàn vẹn.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây là phù hợp nhất về khái niệm bit?

- A. Chính chữ số 1. B. Một số có 1 chữ số.
C. Đơn vị đo khối lượng kiến thức. D. Đơn vị đo lường thông tin.

Câu 7. Mã hoá thông tin có mục đích gì?

- A. Để thay đổi lượng thông tin.
B. Để chuyển thông tin về dạng câu lệnh của ngôn ngữ máy.
C. Làm cho thông tin phù hợp với dữ liệu trong máy.
D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 8. Đơn vị đo lường thông tin cơ sở là:

- A. Bit. B. GHz. C. GB. D. Byte.

Câu 9. Bản chất quá trình mã hóa thông tin?

- A. Chuyển dãy hệ nhị phân về hệ đếm khác. B. Đưa thông tin vào máy tính.
C. Chuyển thông tin về bit nhị phân. D. Nhận dạng thông tin.

Câu 10. Chọn phát biểu đúng trong các câu sau:

- A. Dữ liệu là thông tin. B. RAM là bộ nhớ ngoài.
C. Đĩa mềm là bộ nhớ trong. D. Một byte có 8 bits.

Câu 11. 1 byte có thể biểu diễn ở bao nhiêu trạng thái khác nhau:

- A. 65536. B. 256. C. 255. D. 8.

Câu 12. Chọn câu đúng trong các câu dưới đây?

- A. Máy tính xử lý đồng thời nhiều byte chứ không xử lý từng byte.
B. Các bộ phận của máy tính nối với nhau bởi các dây dẫn gọi là các tuyến.
C. Máy tính xử lý đồng thời một dãy bit chứ không xử lý từng bit.
D. Modem là một thiết bị hỗ trợ cho cả việc đưa thông tin vào và lấy thông tin ra.

Câu 13. Hãy chọn phương án ghép đúng: Mã hóa thông tin thành dữ liệu là quá trình...

- A. Chuyển thông tin bên ngoài thành thông tin bên trong máy tính.
B. Chuyển thông tin về dạng mà máy tính có thể xử lý được.
C. Chuyển thông tin về dạng mã ASCII.
D. Thay đổi hình thức biểu diễn để người khác không hiểu được.

Câu 14. 1GB bằng bao nhiêu KB ?

- A. 1024 KB B. 1048576 KB C. 2048 KB D. 1000000 KB

Câu 15. Chọn phương án ghép đúng.

Thiết bị số là:

- A. thiết bị có thể thực hiện được các phép tính số học.
B. thiết bị có thể xử lý thông tin.
C. máy tính điện tử.
D. thiết bị lưu trữ, truyền và xử lý dữ liệu số.

Câu 16. Thiết bị nào dưới đây là thiết bị số ?

- A. Đĩa hát B. Điện thoại bàn C. Đồng hồ cơ D. Máy tính xách tay

Câu 17. Thiết bị nào dưới đây không là thiết bị số ?

- A. Đĩa DVD.
B. Thẻ nhớ.
C. Đồng hồ cơ.
D. Đĩa CD.

BÀI 2. VAI TRÒ CỦA THIẾT BỊ THÔNG MINH VÀ TIN HỌC ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Câu 18. Em hãy chọn phương án sai.

- A. Thiết bị thông minh là thiết bị số.
- B. Thiết bị số là thiết bị thông minh.
- C. Thiết bị thông minh có thể làm việc một cách tự chủ.
- D. Thiết bị thông minh có thể tương tác với người sử dụng hay các thiết bị thông minh khác.

Câu 19. Trong các thiết bị sau đây, thiết bị nào không là thiết bị thông minh?

- A. Máy tính bỏ túi.
- B. Máy tính xách tay.
- C. Điện thoại di động kết nối được wifi
- D. Robot lau nhà điều khiển qua Internet.

Câu 20. Trong các thiết bị sau đây, thiết bị nào là thiết bị thông minh?

- A. Đồng hồ lịch vạn niên
- B. Camera kết nối Internet
- C. Máy fax truyền tài liệu qua đường điện thoại.
- D. Máy ảnh số

Câu 21. Khẳng định nào sai trong các phương án sau:

- A. Thiết bị thông minh là các thiết bị điện tử có thể hoạt động một cách tự chủ trong một mức độ nhất định nhờ các phần mềm điều khiển được cài đặt sẵn.
- B. IoT là việc kết nối các thiết bị thông minh với nhau nhằm thu thập và xử lý thông tin một cách tự động.
- C. Khả năng “bắt chước” của thiết bị thông minh nói riêng và của máy móc nói chung được gọi chung là trí tuệ nhân tạo.
- D. Cách mạng công nghiệp 4.0 gắn liền với sự ra đời và phát triển của máy tính

Câu 22. Hệ điều hành nào sau đây không dùng trên máy tính?

- A. WINDOWS
- B. MS DOS
- C. UNIX
- D. ANDROID

Câu 23. Hệ điều hành nào sau đây không dùng trên điện thoại?

- A. WINDOWS PHONE
- B. MS DOS
- C. iOS
- D. ANDROID

Câu 24. Một số thành tựu phát triển của Tin học là:

- A. Hệ điều hành, Mạng và Internet, Các ngôn ngữ lập trình bậc cao.
- B. Hệ điều hành, Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu, Tự động hóa.
- C. Hệ điều hành, Mạng và Internet, Giải quyết các bài toán khoa học kỹ thuật.
- D. Mạng và Internet, Các ngôn ngữ lập trình bậc cao, Tự động hóa.

Câu 25. Phương án nào sau đây không phải mạng xã hội?

- A. Youtube
- B. Twitter
- C. Instagram
- D. Google

Câu 26. Loại công cụ nào gắn liền với nền văn minh thông tin?

- A. Máy phát điện.
- B. Máy tính điện tử.
- C. Đồng hồ.
- D. Động cơ hơi nước.

Câu 27. Đặc thù của ngành tin học là gì?

- A. Quá trình nghiên cứu và ứng dụng các công cụ tính toán.

B. Quá trình nghiên cứu và xử lý thông tin một cách tự động.

C. Quá trình nghiên cứu và triển khai các ứng dụng không tách rời việc phát triển và sử dụng máy tính điện tử.

D. Quá trình nghiên cứu và xử lý thông tin.

Câu 28. Phát biểu nào dưới đây là sai?

A. Máy tính tốt là máy tính nhỏ, gọn và đẹp.

B. Máy tính ra đời làm thay đổi phương thức quản lý và giao tiếp trong xã hội.

C. Các chương trình trên máy tính ngày càng đáp ứng được nhiều ứng dụng thực tế và dễ sử dụng hơn.

D. Giá thành máy tính ngày càng hạ nhưng tốc độ, độ chính xác của máy tính ngày càng cao.

BÀI 7. THỰC HÀNH SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ THÔNG DỤNG

Câu 29. Trợ thủ cá nhân hay còn gọi là

A. PDA.

B. PAD.

C. ADP.

D. APD.

Câu 30. Trong bảng mã UNICODE, mỗi kí tự Tiếng Việt theo UTF-8 được biểu diễn bởi bao nhiêu byte?

A. 1 byte.

B. 2 byte.

C. 4 byte.

D. từ 1 đến 3 byte.

Câu 31. Kết nối nào không phải là kết nối phổ biến trên các PDA hiện nay?

A. Wifi.

B. Bluetooth.

C. Hồng ngoại.

D. USB.

Câu 32. Nghe bản tin dự báo thời tiết “Ngày mai trời có thể mưa”, em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào (thông tin ra)?

A. Mặc đồng phục.

B. Đi học mang theo áo mưa.

C. Ăn sáng trước khi đến trường.

D. Hẹn bạn Trang cùng đi học.

Câu 33. Khi dùng điện thoại thông minh chụp ảnh, các file ảnh này có chuyển đến một điện thoại thông minh khác được không?

A. Chuyển được khi điện thoại mất kết nối.

B. Không chuyển được.

C. Chuyển được khi điện thoại có kết nối.

D. Chuyển được mọi lúc.

Câu 34. Một số chức năng thiết yếu của điện thoại là gì?

A. Gọi điện.

B. Nhắn tin.

C. Quản lý danh bạ.

D. Tất cả các chức năng.

Câu 35. Câu trả lời đúng cho câu hỏi “Tại sao cần xây dựng bảng mã Unicode?”

A. Để đảm bảo bình đẳng cho mọi quốc gia trong ứng dụng tin học.

B. Bảng mã ASCII mã hoá mỗi kí tự bởi 1 byte. Giá thành thiết bị lưu trữ ngày càng rẻ nên không cần phải sử dụng các bộ kí tự mã hoá bởi 1 byte.

C. Dùng một bảng mã chung cho mọi quốc gia) giải quyết vấn đề thiếu vị trí cho bộ kí tự của một số quốc gia) đáp ứng nhu cầu dùng nhiều ngôn ngữ đồng thời trong cùng một ứng dụng.

D. Dùng cho các quốc gia sử dụng chữ tượng hình.

Câu 36. “Em nghe loa phát thanh, biết hôm nay là Kỷ niệm 10 năm thành lập trường”. Theo em, đó là thông tin dạng gì?

A. Dạng hình ảnh.

B. Dạng số.

C. Dạng âm thanh.

D. Dạng chữ.

Câu 37. Đâu không phải là thiết bị thông minh?

A. Đồng hồ vạn niên.

B. Máy tính bảng.

C. Đồng hồ kết nối với điện thoại thông qua bluetooth.

D. Máy tính xách tay.

Câu 38. Laptop và điện thoại thông minh có thể trao đổi dữ liệu với nhau được không?

A. Trao đổi được mọi lúc.

B. Không trao đổi được.

C. Chỉ trao đổi được khi điện thoại và laptop có kết nối với nhau.

D. Chỉ trao đổi được khi điện thoại mất kết nối.

Câu 39. Đặc điểm quan trọng của PDA là

A. Có bộ nhớ lớn, có khả năng kết nối wifi.

B. Nhỏ gọn, có khả năng kết nối mạng.

C. Có chức năng liên lạc.

D. Có khả năng kết nối mạng.

BÀI 8. MẠNG MÁY TÍNH TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI**Câu 40.** Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Mạng LAN là mạng mà các máy tính được kết nối trực tiếp với nhau qua cáp truyền tín hiệu.

B. Mạng LAN là mạng kết nối các máy tính trong một quy mô địa lý nhỏ.

C. Các máy tính trong mạng LAN cần được đặt trong một phòng.

D. Mạng LAN là mạng mà các máy tính được kết nối qua cùng một bộ thu phát wifi.

Câu 41. Phát biểu nào đúng?

A. Bất cứ dịch vụ trực tuyến nào (dịch vụ tương tác qua Internet) đều là dịch vụ đám mây.

B. Báo điện tử đăng tin tức hàng ngày là dịch vụ đám mây.

C. Nhắn tin ngắn trên điện thoại (SMS) là sử dụng dịch vụ đám mây.

D. Web-mail (thư điện tử trên giao diện web) là dịch vụ đám mây.

Câu 42. Phát biểu nào đúng?

A. IoT là mạng kết nối các thiết bị thông minh thông qua mạng Internet nhằm thu thập dữ liệu trên phạm vi toàn cầu.

B. IoT là mạng của các thiết bị thông minh nhằm thu thập và xử lý dữ liệu tự động.

C. IoT là mạng của các thiết bị tiếp nhận tín hiệu.

D. IoT là mạng của các máy tính, nhằm trao đổi dữ liệu với nhau.

Câu 43. LAN là viết tắt của cụm từ nào?

A. Logical Area Network B. Local Area Network C. Local Area Netscape D. Logical Area Netscape

Câu 44. Các dịch vụ đám mây là:

- A. Google Docs, Google Drive, Dropbox B. Gmail, Google Drive, Zoom
C. Google Drive, Dropbox, Báo điện tử D. Gmail, Báo điện tử, Zoom

Câu 45. Dịch vụ đám mây nào sau đây dùng để tìm đường?

- A. Google Drive B. Google Docs C. Google maps D. Dropbox

Câu 46. Phương án nào sau đây không phải là loại hình dịch vụ của điện toán đám mây?

- A. Cho thuê phần mềm ứng dụng B. Cho thuê thiết bị
C. Cho thuê nền tảng D. Cho thuê hạ tầng

Câu 47. Lợi ích của IoT là:

- A. Có thể thu thập dữ liệu trên diện rộng nhờ mạng máy tính.
B. Có thể làm việc ở những nơi có điều kiện bất lợi mà con người không làm được.
C. Có thể hoạt động liên tục, tự động, cung cấp dữ liệu tức thời.
D. Tất cả các phương án trên

Câu 48. Các LAN có thể kết nối với nhau thông qua thiết bị nào?

- A. Switch. B. HUB. C. Router. D. Không có.

Câu 49. Chọn phát biểu đúng?

- A. Mạng cục bộ không có chủ sở hữu.
B. Mạng internet có chủ sở hữu.
C. Phạm vi của mạng internet là toàn cầu.
D. Mạng cục bộ không thể lắp đặt trong gia đình.

Câu 50. Phần mềm tạo lớp học ảo Zoom là phần mềm gì?

- A. Phần mềm ứng dụng. B. Phần mềm nền tảng.
C. Cả A và B. D. Không là phần mềm gì cả.

Câu 51. Trong thực tế, IoT có thể ứng dụng trong lĩnh vực nào?

- A. Smart home. B. Smart car.
C. Smart watch D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 52. Lưu trữ thông tin trên Internet qua Google drive là thuê phần :

- A. Ứng dụng. B. Cứng. C. Mềm. D. Dịch vụ.

Câu 53. Việc chia sẻ tài nguyên mạng theo nhu cầu qua internet miễn phí hoặc trả phí theo hạn mức sử dụng được gọi là

- A. Thuê phần cứng. B. Thuê ứng dụng.
C. Thuê phần mềm. D. Dịch vụ điện toán đám mây.

Câu 54. Dịch vụ lưu trữ đám mây của Microsoft là gì?

- A. Mediafire.
- B. Google Driver.
- C. OneDriver.
- D. Cả 3 đáp án đều đúng.

BÀI 9. AN TOÀN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Câu 55. Điều nào sau đây sai khi nói về các đặc điểm của virus?

- A. Virus là các chương trình gây nhiễu hoặc phá hoại.
- B. Virus có khả năng tự nhân bản để lây lan.
- C. Virus không phải là một chương trình hoàn chỉnh.
- D. Virus chỉ hoạt động trên hệ điều hành Windows.

Câu 56. Điều nào sau đây là không đúng khi nói về cơ chế phát tán của worm?

- A. Tận dụng lỗ hổng bảo mật của hệ điều hành.
- B. Lừa người sử dụng tải phần mềm.
- C. Gắn mình vào một tệp khác để khi tệp đó được sử dụng thì phát tán.
- D. Chủ động phát tán qua thư điện tử và tin nhắn, lợi dụng sự bất cẩn của người dùng.

Câu 57. Điều nào sau đây Sai khi nói về trojan?

- A. Trojan nhằm mục đích chiếm đoạt quyền và chiếm đoạt thông tin.
- B. Trojan cần đến cơ chế lây lan khi muốn khống chế một số lượng lớn các máy tính.
- C. Trojan là virus.
- D. Rootkit là một loại hình trojan.

Câu 58. Khi chơi game online em có nguy cơ cao nhất là :

- A. Tin giả
- B. Phần mềm độc hại
- C. Nghiện mạng
- D. Lộ thông tin cá nhân

Câu 59. Khi đọc báo mạng em có nguy cơ cao nhất là :

- A. Tin giả
- B. Phần mềm độc hại
- C. Bị quấy rối, bắt nạt
- D. Lộ thông tin cá nhân

Câu 60. Khi tham gia mạng xã hội em có nguy cơ nào ?

- A. Tin giả
- B. Lộ thông tin cá nhân
- C. Bị quấy rối, bắt nạt
- D. Tất cả các nguy cơ trên

Câu 61. Phần mềm nào sau đây là phần mềm diệt virus ?

- A. Unikey
- B. Bkav
- C. Microsoft Word
- D. Google Chrome

Câu 62. Phần mềm có khả năng lây lan và gây ra các tác động xấu đối với máy tính là:

- A. Virus, Worm, Trojan
- B. Virus, Worm
- C. Worm, Trojan
- D. Virus, Trojan

Câu 63. Biện pháp nào phòng chống hành vi bắt nạt trên mạng?

- A. Không kết bạn dễ dãi trên mạng.
- B. Không trả lời thư từ với kẻ bắt nạt trên diễn đàn.
- C. Chia sẻ với bố mẹ, thầy cô.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 64. Theo cơ chế lây nhiễm, có mấy loại phần mềm độc hại?

- A. 3.
- B. 2.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 65. Tác động của virus đối với người dùng và máy tính?

- A. Gây khó chịu với người dùng.
- B. Làm hỏng phần mềm khác trong máy.
- C. Xóa dữ liệu, làm tê liệt máy tính.
- D. Cả A, B, C.

Câu 66. Bản chất của virus là gì?

- A. Các phần mềm hoàn chỉnh.
- B. Các đoạn mã độc.
- C. Các đoạn mã độc gắn với một phần mềm.
- D. Là sinh vật có thể thấy được.

Câu 67. Bản chất của Worm, sâu máy tính là gì ?

- A. Phần mềm hoàn chỉnh.
- B. Một đoạn mã độc.
- C. Nhiều đoạn mã độc.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 68. Trojan gọi là gì?

- A. Phần mềm độc.
- B. Mã độc.
- C. Ứng dụng độc.
- D. Phần mềm nội gián.

Câu 69. Phần mềm độc hại viết ra có tác dụng gì?

- A. Dùng để hỗ trợ các ứng dụng.
- B. Dùng với ý đồ xấu, gây ra tác động không mong muốn.
- C. Cải thiện khả năng xử lý của máy tính.
- D. Điều khiển máy tính nạn nhân từ xa thông qua phần mềm cài sẵn trong máy nạn nhân.

BÀI 11. ỨNG XỬ TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ. NGHĨA VỤ TÔN TRỌNG BẢN QUYỀN

Câu 70. Bản quyền của phần mềm không thuộc về đối tượng nào?

- A. Người lập trình.
- B. Người đầu tư.
- C. Người mua quyền sử dụng.
- D. Người mua quyền tài sản.

Câu 71. Có một truyện ngắn, tác giả để trên website để mọi người có thể đọc. Những hành vi nào sau đây là vi phạm bản quyền?

- A. Tải về máy của mình để đọc.
- B. Tải về và đăng lại trên trang Facebook của mình cho bạn bè cùng đọc.
- C. Đăng tải đường link trên trang Facebook của mình cho mọi người tìm đọc.
- D. Ghi ra đĩa CD tặng cho các bạn.

Câu 72. Thư rác hay tin nhắn rác là gì?

- A. Những thư hay tin nhắn bắt nạt, đe dọa.

B. Những thư hay tin nhắn có nội dung không lành mạnh.

C. Những thư hay tin nhắn nhằm mục đích quảng cáo mà người nhận không muốn nhận hoặc không bắt buộc phải nhận theo quy định của pháp luật.

D. Những thư hay tin nhắn của người lạ.

Câu 73. Ảnh hưởng của một hành vi xấu trên mạng có xu hướng trầm trọng hơn, vì sao?

A. Trên không gian mạng, giao tiếp không chỉ gián tiếp mà còn có thể ẩn danh.

B. Tin tức đưa lên mạng được phát tán nhanh, rộng và được lưu trữ lâu dài.

C. Tin bài đã được lưu trên mạng lúc nào cũng xem được miễn là kết nối internet.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 74. Nếu đăng trên mạng xã hội nhận xét có tính xúc phạm đến một người khác thì hành vi này là :

A. Vi phạm pháp luật

B. Vi phạm đạo đức

C. Tùy theo mức độ, có thể vi phạm đạo đức hay pháp luật

D. Không vi phạm gì

Câu 75. Trong các hành vi sau, hành vi nào là vi phạm bản quyền ?

A. Em dùng nhờ một phần mềm trên máy tính của bạn

B. Em mượn tài khoản khóa học trực tuyến của bạn để cùng học

C. Em sao chép các đĩa cài đặt phần mềm

D. Em mua đĩa CD nhạc mới nhất của Sơn Tùng MTP và mở cho cả lớp cùng nghe

Câu 76. Em mua bản quyền Windows 10 để cài cho máy tính của mình, đó là quyền:

A. Quyền tác giả

B. Quyền sử dụng

C. Quyền tài sản

D. Quyền sở hữu

Câu 77. Luật An ninh mạng được Quốc hội Việt Nam ban hành vào năm nào?

A. 1998.

B. 2008.

C. 2018.

D. 2017.

Câu 78. Hành vi nào sau đây không là hành vi vi phạm pháp luật về chia sẻ thông tin?

A. Chia sẻ tin tức của trang báo Lao Động lên trang cá nhân Facebook.

B. Chia sẻ văn hoá phẩm đồi trụy trên mạng.

C. Đăng tin sai sự thật về người khác lên Zalo.

D. Phát tán video độc hại lên mạng.

Câu 79. Quyền tác giả là gì?

A. Quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

B. Quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm mình không sáng tạo ra hoặc không sở hữu.

C. Quyền của tất cả mọi người đối với tác phẩm mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

D. Quyền của tất cả mọi người đối với tác phẩm mình sáng tạo ra.

Câu 80. Ngày 25 tháng 6 năm 2019, Quốc hội Việt Nam ban hành Luật gì quy định quyền tác giả đối với tác phẩm?

- A.** Luật tác giả. **B.** Luật sở hữu. **C.** Luậtsở hữu trí tuệ. **D.** Luậttrí tuệ.

Câu 81. Hoạt động nào dưới đây vi phạm bản quyền?

- A.** Mạo danh tác giả.
B. Sửa chữa, chuyển thể phần mềm mà không được phép của tác giả.
C. Sử dụng phần mềm lậu.
D. Cả 3 ý trên.

Câu 82. Trong tin học, mua phần mềm ... mua quyền sử dụng. Chọn từ còn thiếu trong câu trên?

- A.** Giống. **B.** Khác. **C.** Phân biệt. **D.** Là cách.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	A	B	A	D	D	D	A	C	D	B	A
13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
B	A	D	D	B	B	A	B	D	D	B	A
25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
D	B	C	A	A	D	C	B	C	D	C	C
37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
A	C	B	B	D	B	B	A	C	B	D	C
49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
C	A	D	B	D	C	D	C	C	C	A	D
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72
B	B	D	B	D	C	A	D	B	C	B	C
73	74	75	76	77	78	79	80	81	82		
D	C	C	B	C	A	A	C	D	B		

II. CÂU HỎI ĐÚNG SAI

BÀI 9

Câu 1: Cho đoạn thông tin:

An toàn trên không gian mạng là một vấn đề quan trọng trong thời đại số. Người dùng cần nhận thức được các nguy cơ như tin giả, lừa đảo trực tuyến và việc lộ thông tin cá nhân để bảo vệ bản thân. (Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam)

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a)** Tin giả có thể gây ra hiểu lầm và hoang mang trong cộng đồng.
b) Lừa đảo trực tuyến chỉ xảy ra với những người không hiểu biết về công nghệ.
c) Việc lộ thông tin cá nhân có thể dẫn đến các rủi ro về an ninh.
d) Người dùng cần phải cẩn trọng khi chia sẻ thông tin cá nhân trên mạng.

Câu 2: Cho đoạn thông tin:

Phần mềm độc hại (malware) bao gồm nhiều loại, như virus, trojan và worm, có thể gây hại cho máy tính và dữ liệu của người dùng. Chúng thường lây lan qua email hoặc tải xuống từ các trang web không an toàn. (Nguồn: Norton)

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Virus chỉ hoạt động khi người dùng mở tệp tin bị nhiễm.
- b) Trojan có thể tự lây lan mà không cần sự can thiệp của người dùng.
- c) Worm là một loại phần mềm độc hại có khả năng tự sao chép và lây lan qua mạng.
- d) Phần mềm độc hại không thể gây hại cho điện thoại di động.

Câu 3: Cho đoạn thông tin:

Bắt nạt trên không gian mạng (cyberbullying) là hành vi sử dụng công nghệ để làm tổn thương hoặc đe dọa người khác. Điều này có thể xảy ra trên mạng xã hội, trò chơi trực tuyến hoặc qua tin nhắn. (Nguồn: StopBullying.gov)

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Bắt nạt trên không gian mạng chỉ xảy ra giữa những người không quen biết.
- b) Nạn nhân của bắt nạt trên mạng có thể gặp phải các vấn đề về tâm lý.
- c) Hành vi bắt nạt trên không gian mạng có thể bị xử lý theo pháp luật.
- d) Người dùng có thể báo cáo hành vi bắt nạt cho các nền tảng mạng xã hội.

Câu 4: Cho đoạn thông tin:

Để phòng chống phần mềm độc hại, người dùng nên cài đặt phần mềm diệt virus, thường xuyên cập nhật hệ điều hành và không nhấp vào các liên kết không rõ nguồn gốc.

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Cài đặt phần mềm diệt virus là một biện pháp hiệu quả để bảo vệ máy tính.
- b) Người dùng không cần cập nhật hệ điều hành nếu đã cài đặt phần mềm diệt virus.
- c) Nhấp vào các liên kết không rõ nguồn gốc có thể dẫn đến lây nhiễm phần mềm độc hại.
- d) Phần mềm diệt virus có thể phát hiện và loại bỏ tất cả các loại phần mềm độc hại.

Câu 5: Cho đoạn thông tin:

Nghiện mạng là tình trạng người dùng dành quá nhiều thời gian trên internet, dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm lý và thể chất. Nghiện mạng có thể gây ra các vấn đề như lo âu, trầm cảm và giảm hiệu suất học tập. (Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới)

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Nghiện mạng chỉ ảnh hưởng đến trẻ em và thanh thiếu niên.
- b) Thời gian sử dụng internet quá mức có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe.
- c) Người dùng có thể kiểm soát thời gian sử dụng internet để tránh nghiện mạng.
- d) Nghiện mạng không có ảnh hưởng gì đến cuộc sống hàng ngày.

Đáp án:

1. a Đ, b S, c Đ, d Đ
2. a Đ, b S, c Đ, d S
3. a S, b Đ, c Đ, d Đ
4. a Đ, b S, c Đ, d S
5. a S, b Đ, c Đ, d S

BÀI 11

Câu 1: Cho đoạn thông tin:

Bản quyền là quyền hợp pháp của tác giả đối với các tác phẩm sáng tạo của họ, bao gồm văn học, nghệ thuật và khoa học. Việc sao chép, phân phối hoặc sử dụng tác phẩm mà không có sự cho phép của tác giả là vi phạm bản quyền.

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Bản quyền chỉ áp dụng cho các tác phẩm nghệ thuật.
- b) Việc sao chép một tác phẩm mà không có sự cho phép của tác giả là vi phạm bản quyền.
- c) Tác giả có quyền quyết định ai có thể sử dụng tác phẩm của mình.
- d) Bản quyền không cần thiết phải được đăng ký để có hiệu lực.

Câu 2: Cho đoạn thông tin:

Trong môi trường số, việc tôn trọng bản quyền không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là đạo đức. Người dùng cần hiểu rõ các quy định về bản quyền để tránh vi phạm và bảo vệ quyền lợi của tác giả.

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Tôn trọng bản quyền là trách nhiệm của mỗi người dùng trong môi trường số.
- b) Việc vi phạm bản quyền không có hậu quả gì nghiêm trọng.
- c) Người dùng không cần phải tìm hiểu về bản quyền khi sử dụng tài nguyên trực tuyến.
- d) Tôn trọng bản quyền giúp bảo vệ quyền lợi của tác giả và khuyến khích sự sáng tạo.

Câu 3: Cho đoạn thông tin:

Các phần mềm và ứng dụng thường có giấy phép sử dụng riêng. Người dùng cần đọc kỹ các điều khoản trong giấy phép để biết quyền và nghĩa vụ của mình khi sử dụng sản phẩm. Có những tính năng miễn phí và những tính năng mất phí khi người dùng sử dụng phần mềm tùy thuộc vào mục đích làm việc. (Nguồn: Microsoft)

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Giấy phép sử dụng phần mềm không quan trọng và có thể bỏ qua.
- b) Người dùng phải tuân thủ các điều khoản trong giấy phép khi sử dụng phần mềm.
- c) Việc không tuân thủ giấy phép có thể dẫn đến hậu quả pháp lý.
- d) Tất cả các phần mềm đều miễn phí cho người dùng.

Câu 4: Cho đoạn thông tin:

Việc sử dụng hình ảnh, video hoặc âm nhạc từ Internet mà không có sự cho phép có thể dẫn đến vi phạm bản quyền. Người dùng nên tìm kiếm các tài nguyên miễn phí bản quyền hoặc có giấy phép rõ ràng.

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Người dùng có thể tự do sử dụng bất kỳ tài nguyên nào trên Internet mà không cần lo lắng về bản quyền.
- b) Tài nguyên miễn phí bản quyền có thể được sử dụng mà không cần xin phép.
- c) Việc sử dụng tài nguyên có bản quyền mà không xin phép là hợp pháp nếu không có ai phát hiện.
- d) Các tài nguyên có giấy phép rõ ràng thường đi kèm với các điều kiện sử dụng cụ thể.

Câu 5: Cho đoạn thông tin:

Nền tảng trực tuyến như YouTube và Spotify có các chính sách nghiêm ngặt về bản quyền. Người dùng cần tuân thủ các quy định này để tránh bị xóa nội dung hoặc bị cấm sử dụng dịch vụ.

Hãy đánh giá tính đúng sai của các nhận định sau:

- a) Người dùng có thể tải xuống và chia sẻ video từ YouTube mà không cần lo lắng về bản quyền.
- b) Việc vi phạm bản quyền trên nền tảng trực tuyến có thể dẫn đến việc tài khoản bị khóa.
- c) Chính sách bản quyền của YouTube không ảnh hưởng đến người dùng.
- d) Người dùng cần phải hiểu rõ các quy định về bản quyền khi sử dụng các nền tảng trực tuyến.

1. a S, b Đ, c Đ, d Đ
2. a Đ, b S, c S, d Đ
3. a S, b Đ, c Đ, d S
4. a S, b Đ, c S, d Đ
5. a S, b Đ, c S, d Đ

III. TỰ LUẬN

1. Phân biệt được thông tin và dữ liệu
2. Chuyển đổi được giữa các đơn vị lưu trữ thông tin: B, KB, MB,...
3. Khai thác được một số nguồn học liệu mở trên Internet.
4. Sử dụng được một số công cụ thông dụng để ngăn ngừa và diệt phần mềm độc hại.
5. Vận dụng được Luật và Nghị định để xác định được tính hợp pháp của một hành vi nào đó trong lĩnh vực quản lý, cung cấp, sử dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT.